

BÁO CÁO

Ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2022; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 3 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022 của tỉnh Đồng Tháp;

Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2022; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023 và kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025 như sau:

A. TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN THU, CHI NSNN NĂM 2022

Trong làn sóng khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (*viết tắt là KTXH*) của cả nước, ngay đầu năm 2022, Tỉnh đã tập trung đánh giá các tác động, thiệt hại của dịch COVID-19 đến phát triển KTXH của tỉnh trong 02 năm (2020 - 2021) và tập trung triển khai nhiệm vụ trọng tâm để phục hồi và phát triển KTXH. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, tập trung chỉ đạo cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, CCHC, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp (*viết tắt là DN*) khôi phục hoạt động, giải ngân vốn đầu tư công và thúc đẩy đầu tư, xúc tiến thương mại. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trên tinh thần cùng hành động, đổi mới, quyết tâm cao. Chỉ tiêu kinh tế GRDP năm 2022 của tỉnh ước có tăng trưởng.

Với tình hình kinh tế trên và số thu NSNN trên địa bàn, chi NSĐP 10 tháng đầu năm 2022, Ủy ban nhân dân Tỉnh đánh giá ước thực hiện thu, chi NSNN năm 2022 như sau:

I. Ước thu NSNN năm 2022

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: 7.540 tỷ đồng, đạt 111% so dự toán năm, gồm:

a) Thu nội địa: 7.400 tỷ đồng, so dự toán năm đạt 110% (*Nếu thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, nguồn thu XSKT, nguồn thu cổ phần hoá đạt 108% so dự toán năm*). Một số khoản thu nội địa chủ yếu sau:

- Thu từ DNNN: 647 tỷ đồng, so dự toán năm đạt 132%, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu từ khu vực kinh tế NQD: 1.215 tỷ đồng, so dự toán năm đạt 129%, bằng với cùng kỳ năm trước.

- Thuế TNCN: 710 tỷ đồng, so dự toán năm đạt 142%, tăng 57% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu thuế bảo vệ môi trường (xăng, dầu): 925 tỷ đồng, so dự toán năm đạt 61%, giảm 30% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền sử dụng đất: 970 tỷ đồng, so dự toán năm đạt 121%, giảm 22% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu XSKT: 1.704 tỷ đồng, đạt 114% dự toán và tăng 33% so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến thời điểm 31/10/2022, 12/12 huyện, thành phố (gọi chung là huyện) thu NSNN trên địa bàn đạt 80% dự toán cấp trên giao.

b) Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 140 tỷ đồng, so dự toán năm đạt 127%.

2. Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP): 15.034 tỷ đồng, (gồm: Ngân sách cấp Tỉnh: 11.878 tỷ đồng; Ngân sách huyện: 3.156 tỷ đồng (không kể ngân sách cấp huyện thu bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh là 5.064 tỷ đồng)), như sau:

a) Thu điều tiết NSDP hưởng theo phân cấp 6.789 tỷ đồng, **tăng 17%** so dự toán năm. Số thu NSDP năm 2022 so với dự toán HĐND Tỉnh giao (không kể XSKT, tiền sử dụng đất, CPH) là 4.040 tỷ đồng, tăng thu 605 tỷ đồng.

b) Thu bổ sung từ NSTW: 8.017 tỷ đồng, (gồm: Bổ sung cân đối ngân sách 6.804 tỷ đồng; Bổ sung có mục tiêu theo dự toán 1.213 tỷ đồng).

c) Thu chuyển nguồn làm lương còn dư các năm trước chuyển sang: 179 tỷ đồng.

d) Thu vay từ nguồn Chính phủ về cho vay lại: 48,3 tỷ đồng.

(Phụ lục số 1 đính kèm)

II. Ước thực hiện chi NSDP năm 2022

1. Ước chi NSDP năm 2022 là 15.034 tỷ đồng, đạt 107% so dự toán năm; trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 6.814 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện chi 8.220 tỷ đồng. Một số khoản chi chủ yếu sau:

a) Chi đầu tư phát triển: 3.749 tỷ đồng, đạt 111% so dự toán năm, trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 2.344 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện chi 1.405 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 1.036 tỷ đồng, đạt 100% dự toán năm.

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 970 tỷ đồng, đạt 121% so dự toán năm; khoản chi đầu tư này bố trí tương ứng với số thu.

- Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT: 1.704 tỷ đồng, đạt 114% so dự toán năm; khoản chi đầu tư này bố trí tương ứng với số thu.

- Chi đầu tư từ nguồn thu CPH, thoái vốn DNĐP: 39 tỷ đồng.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư do địa phương quản lý (*ngân sách tỉnh*) đến 31/10/2022 (*theo báo cáo của KBNN*) đạt khoảng 52,22% dự toán; trong đó, XDCCB tập trung đạt khoảng 48,97%, về nguồn đảm bảo đáp ứng đủ theo dự toán UBND Tỉnh giao cho các Chủ đầu tư; nhưng khả năng năm 2022 dự kiến giải ngân vốn đầu tư không đạt yêu cầu; Chủ đầu tư cần đẩy nhanh tiến độ hơn nữa trong chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng mới kịp đưa công trình vào thi công, hoàn thành theo kế hoạch, khắc phục tình trạng vốn đọng công trình, gây lãng phí lớn cho ngân sách ảnh hưởng đến việc khôi phục tăng trưởng kinh tế của Tỉnh.

b) Các khoản chi thường xuyên: 9.459 tỷ đồng, đạt 103% so dự toán năm; trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 3.205 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện chi 6.254 tỷ đồng. Riêng chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề 4.090 tỷ đồng, đạt 100% so dự toán năm (*trong đó, ngân sách cấp tỉnh chi 875 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện chi 3.136 tỷ đồng*), các khoản chi thường xuyên còn lại đảm bảo theo dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 2 tỷ đồng, đạt 100% dự toán năm.

d) Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương từ nguồn tăng thu NSDP theo quy định: 560 tỷ đồng, chủ yếu chi của ngân sách huyện, thành phố.

đ) Chi thực hiện các chương trình từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW: 1.213 tỷ đồng, đạt 100% so dự toán năm.

Tình hình giải ngân vốn đầu tư thuộc chương trình mục tiêu đến 31/10/2022 (*báo cáo của KBNN*) đạt khoảng 45,92% dự toán. Về nguồn đảm bảo đáp ứng đủ vốn bổ sung có mục tiêu theo dự toán UBND Tỉnh giao cho các Chủ đầu tư; Nhưng khả năng năm 2022 dự kiến giải ngân vốn mục tiêu không đạt yêu cầu.

e) Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại: 48,3 tỷ đồng, đạt 100% so dự toán năm.

(Phụ lục số 2 đính kèm)

2. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 5.064 tỷ đồng (*gồm: Bổ sung cân đối ngân sách: 4.746 tỷ đồng, Bổ sung có mục tiêu: 318 tỷ đồng*).

Các nhiệm vụ chi ngân sách được đảm bảo theo đúng dự toán, tiến độ triển khai của các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, hoạt động của bộ máy nhà nước, kinh phí phòng, chống dịch bệnh; chính sách an sinh xã hội,...

III. Giải pháp xử lý cân đối NSDP năm 2022

Để điều hành đảm bảo cân đối NSDP cần tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

1. Đối với ngân sách cấp tỉnh:

Các ngành, các đơn vị có liên quan tập trung quyết liệt trong công tác thu ngân sách, phấn đấu thu đạt dự toán giao để đảm bảo các nhiệm vụ chi được giao; trường hợp có hụt thu, huy động các nguồn xử lý như sau:

- Huy động các nguồn như 50% dự phòng ngân sách, kết dư ngân sách (nếu có), nguồn CCTL còn dư theo quy định, 70% nguồn Quỹ Dự trữ tài chính.

- Trường hợp có nguồn thu tiền sử dụng đất, thu XSKT tăng cao so dự toán năm, sử dụng tăng thu này để đảm bảo nhiệm vụ chi đầu tư XDCB tập trung trong cân đối NSDP khi thu từ thuế, phí bị hụt so dự toán và các nguồn tài chính hợp pháp khác; Số tăng thu tiền sử dụng đất, thu XSKT còn lại tham mưu cấp có thẩm quyền phân khai danh mục chi tiết các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn; đồng thời, khi kết thúc năm nguồn vốn đầu tư do cấp tỉnh quản lý và phân bổ có số dư dự toán, tiết kiệm chi từ nguồn này và kể cả tiết kiệm chi thường xuyên; đề nghị không bố trí nội dung chi mới; tập trung toàn bộ số dư, tiết kiệm chi đó xử lý bù hụt thu ngân sách cấp tỉnh năm 2022.

2. Đối với ngân sách huyện, thành phố (gọi chung là huyện):

Về cân đối ngân sách huyện đề nghị UBND huyện tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách, phấn đấu thu đạt và vượt dự toán cấp trên giao. Hụt thu (nếu có) so dự toán, chủ động sử dụng các nguồn lực tài chính của huyện để xử lý; trong đó, ưu tiên đảm bảo nguồn thanh toán các khoản chi về tiền lương, có tính chất lương, khoản chi thường xuyên để đảm bảo hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, chi an sinh xã hội,... chi đầu tư XDCB các công trình quan trọng; theo dõi chặt chẽ tình hình biến động tồn quỹ ngân sách các cấp, điều hành đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả của NSNN.

3. Kết quả thu NSNN trên địa bàn sẽ báo cáo cụ thể khi kết thúc năm ngân sách 2022.

Tóm lại, năm 2022 được sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, sự giám sát tích cực, hiệu quả của HĐND Tỉnh, sự hỗ trợ của trung ương, các ngành, các cấp trong tỉnh, cộng đồng DN, kinh tế khôi phục phát triển, ngân sách có tăng thu để đảm bảo chi phục vụ các nhiệm vụ KTXH trên địa bàn. Tuy ngân sách cấp tỉnh có hụt thu theo dự toán giao đầu năm, nhưng đảm bảo cân đối các nhu cầu chi theo dự toán năm đã được HĐND Tỉnh quyết nghị.

(Phụ lục số 3 đính kèm)

B. DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023

Dự toán NSNN năm 2023, là năm đầu tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa NSTW và NSDP xác định lại áp dụng cho giai đoạn 2023 - 2025, năm 2023 là năm thứ hai của thời kỳ áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN giai đoạn 2022 - 2025 và số bổ sung cân đối năm 2023 Quốc hội quyết định.

Năm 2023, Nguồn thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu giữa NSTW và NSDP theo quy định của Luật NSNN trên cơ sở sản lượng xăng, dầu trong nước sản xuất, bán ra trong kỳ kế hoạch so với sản lượng xăng, dầu kế

hoạch do DN đầu môi bán ra. Theo đó, 60% số thu thuế bảo vệ môi trường đối với sản phẩm xăng, dầu là khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP; 40% số thu thuế bảo vệ môi trường điều tiết 100% số thu về NSTW.

Dự toán NSNN năm 2023 trên địa bàn được xây dựng theo hướng bảo đảm sự phát triển KTXH, bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành và theo đúng quy định của Luật NSNN.

I. Về dự toán thu NSNN 2023

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn: 7.590 tỷ đồng (lấy tròn), gồm:

a) Thu nội địa: 7.440 tỷ đồng, tăng 1% so với ước thực hiện năm 2022, nếu thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, thu XSKT, thu CPH, thoái vốn DNNN của địa phương tăng 5%.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 150 tỷ đồng.

2. Thu NSDP: 15.820 tỷ đồng (lấy tròn), gồm:

a) Thu điều tiết NSDP hưởng theo phân cấp: 6.704 tỷ đồng; trong đó, thu tiền sử dụng đất là 900 tỷ đồng, thu XSKT: 1.600 tỷ đồng.

b) Thu bổ sung từ NSTW: 9.084 tỷ đồng (lấy tròn), gồm:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 6.487 tỷ đồng.

- Bổ sung có mục tiêu 2.597 tỷ đồng, trong đó:

+ Mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng (vốn đầu tư phát triển): 2.418 tỷ đồng

+ Mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng khác (kinh phí sự nghiệp): 179 tỷ đồng.

c) Thu vay từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại: 31,5 tỷ đồng (vay để thực hiện dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững khu vực đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL)-WB9-Tiểu dự án nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười - các huyện phía Bắc Đồng Tháp).

(Phụ lục số 1 đính kèm)

II. Về dự toán chi NSDP 2023

1. Dự toán chi NSDP năm 2023 là 15.820 tỷ đồng (lấy tròn), gồm:

1.1. Chi đầu tư phát triển (phần chi cân đối NSDP): 3.561 tỷ đồng, trong đó:

a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 1.061 tỷ đồng; trong đó, ngân sách cấp tỉnh 540 tỷ đồng; ngân sách huyện 521 tỷ đồng.

b) Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 900 tỷ đồng, bằng với dự toán thu năm 2023; trong đó, ngân sách cấp tỉnh 100 tỷ đồng chi bổ sung đảm bảo vốn Điều lệ Quỹ Phát triển đất tỉnh.

c) Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT: 1.600 tỷ đồng.

Nếu kể cả số dành nguồn chi trả nợ gốc (bội thu ngân sách địa phương) là 247,8 tỷ đồng thì chi đầu tư phát triển là 3.313,2 tỷ đồng.

Trong tổng chi đầu tư phát triển đã bao gồm chi trả các khoản vay cho NH Phát triển Việt Nam theo mức tối thiểu từ nguồn thu hồi nợ gốc các khoản vay.

2. Chi thường xuyên: 9.354 tỷ đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2022, bao gồm:

a) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 4.180 tỷ đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2022.

b) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 31 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2022.

c) Các khoản chi thường xuyên còn lại 5.143 tỷ đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2022; trong đó, kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 là 215 tỷ đồng; hỗ trợ cho địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP là 195 tỷ đồng; kinh phí phát triển cây xanh đô thị 70 tỷ đồng; Chính sách ưu đãi hỗ trợ lãi suất, quy hoạch là 16,3 tỷ đồng; đào tạo, đầu tư trang thiết bị để thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (*Đề án 06/CP*) là 60 tỷ đồng; đối ứng vốn sự nghiệp nông thôn mới,...

3. Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính: 2 tỷ đồng.

4. Dự phòng ngân sách: 275 tỷ đồng, bố trí theo quy định của Luật NNSN.

5. Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu: 2.597 tỷ đồng.

- Mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng (*vốn đầu tư phát triển*): 2.418 tỷ đồng

- Mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng khác (*kinh phí sự nghiệp*): 179 tỷ đồng.

6. Chi đầu tư từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại: 31,5 tỷ đồng.

(*Phụ lục số 2 đính kèm*)

1.2. Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện: 4.749 tỷ đồng (lấy tròn), gồm:

a) Bổ sung cân đối ngân sách: 4.431 tỷ đồng;

b) Bổ sung có mục tiêu 318 tỷ đồng, gồm kinh phí hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 là 149 tỷ đồng; kinh phí hỗ trợ cho địa phương sản xuất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP là 169 tỷ đồng.

c) Cân đối thu, chi ngân sách cấp huyện

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn huyện 3.209 tỷ đồng, thu điều tiết ngân sách huyện hưởng theo phân cấp là 2.897 tỷ đồng, chiếm 90% tổng thu NSNN trên địa bàn, gồm:

+ Thu từ các khoản ngân sách huyện hưởng 100% là: 1.412 tỷ đồng

+ Thu từ các khoản phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện là: 1.486 tỷ đồng (12 huyện được phân chia tỷ lệ 100% đối với khoản thu thuế GTGT, thuế TNDN từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và thuế TNCN).

- Theo quy định của Luật NSNN, để đảm bảo nhiệm vụ chi theo phân cấp và định mức phân bổ dự toán chi đối với các huyện chưa cân đối được ngân sách, ngân sách cấp Tỉnh thực hiện bổ sung cho các huyện là 4.749 tỷ đồng; trong đó, bổ sung cân đối ngân sách là 4.431 tỷ đồng.

Như vậy, **tổng thu ngân sách cấp huyện năm 2023 là 7.646 tỷ đồng.**

- Năm 2023, là năm thứ hai áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách theo Nghị quyết của HĐND Tỉnh thời kỳ ổn định 2022 - 2025 trên địa bàn Tỉnh, là năm thứ nhất xác định lại dự toán thu theo quy định của trung ương, số bổ sung cân đối ngân sách năm 2023; dự toán chi cân đối năm 2023 của các huyện bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ, nhiệm vụ mới phát sinh, sẽ được giao tổng mức và theo những lĩnh vực chi chủ yếu: chi đầu tư phát triển, thường xuyên, dự phòng; trong đó, giao mức tối thiểu đối với chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; các lĩnh vực chi thường xuyên còn lại do UBND cấp huyện trình HĐND cùng cấp Quyết định.

(Phụ lục số 5, 6 và 7 đính kèm)

III. Giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2023

Năm 2023, là năm thứ ba của kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021 - 2025. Cần đề ra một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo điều hành, công tác tài chính - NSNN, đề xuất và xử lý nhanh gọn, có hiệu quả các nội dung phát sinh, các vấn đề về tài chính - NSNN.

2. Điều hành NSNN theo đúng Nghị quyết HĐND, phấn đấu tăng thu NSNN, tiết kiệm chi. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm, các chính sách an sinh xã hội. Tăng cường quản lý, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả NSNN. Điều hành đảm bảo tổng mức dự toán chi NSNN năm 2023 đã được HĐND Tỉnh quyết định, xác định thứ tự ưu tiên nhiệm vụ chi hợp lý để bảo đảm kinh phí thực hiện được các mục tiêu KTXH đã đề ra; hạn chế tối đa bổ sung và ứng vốn. Đối với chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi có tính đặc thù do HĐND Tỉnh quyết định theo Điều 30 Luật NSNN, phải có giải pháp đảm bảo nguồn tài chính và phù hợp với khả năng cân đối của NSDP, chủ động bố trí kinh phí trong phạm vi dự toán chi NSDP được giao hàng năm.

3. Các huyện phải phấn đấu tăng thu, kiên quyết xử lý tình trạng nợ đọng thuế, tập trung kịp thời các khoản thu phát sinh; có kế hoạch sắp xếp thu hồi để trả nợ vay; nhất là nợ tôn nền cụm, tuyến dân cư để thanh toán nợ vay đúng hạn.

4. Thường xuyên kiểm tra các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp Tỉnh, cấp huyện, xã nghiêm túc thực hiện chế độ tự chủ theo quy định; triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí NSNN.

5. Đẩy mạnh thực hiện lộ trình giá dịch vụ công làm cơ sở giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công theo quy định của Chính phủ.

6. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra ở các đơn vị sử dụng NSNN, nhất là thanh tra các quỹ tài chính có nguồn gốc hình thành từ NSNN.

7. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư; trong đó, chú ý các công trình đầu tư từ nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu, vốn vay ưu đãi. Kiểm tra tình hình đầu tư, quản lý sử dụng vốn đầu tư có nguồn gốc NSNN tại các Chủ đầu tư để bảo đảm việc quản lý sử dụng vốn đầu tư năm 2023 theo hướng tập trung vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách phải hoàn thành trong năm 2023.

8. Cơ quan tài chính phối hợp các ngành và UBND các huyện thực hiện quyết liệt, đồng bộ các biện pháp quản lý điều hành giá theo Luật Quản lý giá, kiểm tra giám sát để mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh chấp hành đúng các quy định về đăng ký, kê khai, niêm yết và bán theo giá niêm yết; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về quản lý giá.

C. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2023 - 2025

Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2023 - 2025 được lập trên nền dự toán thu NSNN năm 2023 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2024, năm 2025 theo kết quả làm việc với Tổng Cục thuế (Bộ Tài Chính); đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối NSNN theo quy định của Luật NSNN.

Trên cơ sở đó, phấn đấu năm 2024, năm 2025 tỷ lệ huy động từ thuế, phí vào NSNN so với GRDP bình quân khoảng 8-9%/năm; nếu loại trừ yếu tố thay đổi các chính sách về thuế, **thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu XSKT) tăng bình quân khoảng 11-13%/năm, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân khoảng 5%/năm.** Mức tăng thu này phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Xác định số thu NSDP 03 năm 2023-2025 được hưởng theo phân cấp trên cơ sở quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn. Riêng đối với khoản thu thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu sản xuất trong nước và nhập khẩu tạm xác định theo tỷ lệ của năm 2023 (*NSTW hưởng 40% - NSDP hưởng 60%*).

Qua đó, **Tổng thu nội địa giai đoạn 03 năm 2023 - 2025 là 23.927 tỷ đồng, tăng bình quân khoảng 8%/năm;** thu nội địa nếu không kể thu tiền sử dụng đất, thu XSKT, thu cổ phần hóa, thoái vốn DNĐP là 16.277 tỷ đồng, **tăng bình quân 13%/năm.**

Trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn 03 năm 2023 - 2025, nguồn thu của địa phương phân cấp, bổ sung cân đối ngân sách từ NSTW được ổn định như năm 2023; dự toán chi NSDP năm 2023, kế hoạch chi NSDP năm 2024 và năm 2025, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi, bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ KTXH trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm 2023 - 2025.

Tổng chi cân đối NSDP giai đoạn 3 năm 2023 - 2025 (*không kể số chi chương trình MTQG, mục tiêu nhiệm vụ quan trọng khác từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu*) là 40.974 tỷ đồng, tăng bình quân 3%/năm; trong đó, chi đầu tư phát triển là 10.757 tỷ đồng (*chiếm khoảng 26% tổng chi cân đối NSDP*); chi thường xuyên là 28.684 tỷ đồng, (*chiếm khoảng 70% tổng chi cân đối NSDP*).

Chủ động bố trí các nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (*không kể lương và các khoản có tính chất tiền lương*); 70% tăng thu NSDP hằng năm theo chế độ, số thu được để lại theo chế độ phù hợp với lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

(Phụ lục Kế hoạch Tài chính - NSNN 03 năm 2023 - 2025 đính kèm)

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2022; Xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và Kế hoạch Tài chính - Ngân sách 03 năm 2023-2025.

Kính trình Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh uỷ (báo cáo);
- HĐND Tỉnh (báo cáo);
- BCSD UBND Tỉnh (báo cáo);
- Các Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Ban KTNS, HĐND Tỉnh;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, P.KT/HSĩ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2023

ĐVT : Triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Cộng	Hồng Ngự	TP. Hồng Ngự	Tân Hồng	Tam Nông	Thanh Bình	TP Cao Lãnh	H. Cao Lãnh	Tháp Mười	Lấp Vò	Lai Vung	TP Sa Đéc	Châu Thành
	<u>Tổng chi (I+II+III)</u>	<u>7.646.071</u>	<u>564.217</u>	<u>508.165</u>	<u>486.557</u>	<u>531.772</u>	<u>648.709</u>	<u>846.554</u>	<u>799.582</u>	<u>714.760</u>	<u>672.489</u>	<u>600.774</u>	<u>700.384</u>	<u>572.108</u>
I	<u>Chi đầu tư phát triển</u>	<u>1.321.000</u>	<u>92.000</u>	<u>188.000</u>	<u>43.000</u>	<u>50.000</u>	<u>97.000</u>	<u>220.000</u>	<u>76.000</u>	<u>107.000</u>	<u>66.000</u>	<u>64.000</u>	<u>240.000</u>	<u>78.000</u>
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	521.000	28.000	28.000	28.000	30.000	37.000	120.000	41.000	37.000	36.000	34.000	74.000	28.000
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	800.000	64.000	160.000	15.000	20.000	60.000	100.000	35.000	70.000	30.000	30.000	166.000	50.000
II	<u>Chi thường xuyên</u>	<u>6.185.830</u>	<u>462.004</u>	<u>310.530</u>	<u>434.807</u>	<u>472.371</u>	<u>540.341</u>	<u>610.355</u>	<u>709.272</u>	<u>595.187</u>	<u>593.915</u>	<u>525.738</u>	<u>447.788</u>	<u>483.522</u>
	<i>Bao gồm:</i>													
1	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo	3.162.710	263.281	148.787	244.534	229.780	302.466	297.161	363.807	314.792	303.857	275.186	181.892	237.167
2	Các khoản chi thường xuyên còn lại	3.023.120	198.723	161.743	190.273	242.591	237.875	313.194	345.465	280.395	290.058	250.552	265.896	246.355
III	<u>Dự phòng ngân sách</u>	<u>139.241</u>	<u>10.213</u>	<u>9.635</u>	<u>8.750</u>	<u>9.401</u>	<u>11.368</u>	<u>16.199</u>	<u>14.310</u>	<u>12.573</u>	<u>12.574</u>	<u>11.036</u>	<u>12.596</u>	<u>10.586</u>